TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 56/2022/ HNGĐ-PT Ngày 31/5/2022 *V/v: Tranh chấp nuôi con chung*	

NHÂN DANH
NƯỚC CÔNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trịnh Đăng Huấn**

Các Thẩm phán: Ông Trương Thành Trung và bà Mai Vân Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tất Thành - Thư ký.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Cao Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 46/2022/TLPT- HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2022. Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 46/2022/ST- HNGĐ ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mê L, thành phố Hà Nội có kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2022/QĐXX-PT ngày 16/5/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1997. Có mặt

Đăng ký HKTT: Khu 1, thôn Văn L, xã Tam Đ, huyện Mê L, thành phố Hà Nội

* *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Hữu K**, sinh năm 1988.

Đăng ký HKTT: Khu 1, thôn Văn L, xã Tam Đ, huyện Mê L, thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Nguyễn Hữu K. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo hồ sơ vụ án, bản án sơ thẩm và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Chị T và anh K kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Đ, huyện Mê L, thành phố Hà Nội. Sau khi tổ chức cưới theo phong tục địa phương về chung sống với nhau tại gia đình anh Kở thôn Văn L, xã Tam Đ, huyện Mê L, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; từ tháng 05 năm 2021 đến nay, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn sâu sắc và trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách, lối sống không hợp, bất đồng anh Kđánh chửi, đuổi Chị T ra

khỏi nhà, Chị Tđã về nhà bố mẹ đẻ ở nhiều lần, lần cuối cùng từ ngày 19/5/2021 đến nay, vợ chồng sống ly thân không có quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải nhưng không kết quả. Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc, trầm trọng, tình cảm vợ , hạnh phúc thực sự không còn, không thể về đoàn tụ chung sống lâu dài t, Chị Tcó đơn yêu cầu được ly hôn anh Khánh.

Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 11/12/2020. Hiện tại cháu Đ đang ở cùng với anh Khánh; khi vợ chồng có mâu thuẫn Chị Tvề nhà bố mẹ đẻ ở, nhưng anh Kvà gia đình không cho Chị T trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ; Nay ly hôn, Chị Tyêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ, đến khi cháu Đ thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T yêu cầu anh K cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Hiện tại Chị T làm ở Bệnh viện đa khoa huyện Mê L; thu nhập bình quân khoảng 4.000.000đồng/tháng.

Về tài sản: Về tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở chung, đất nông nghiệp: Chị T xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Chị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

* *Anh Nguyễn Hữu K trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Kvà Chị T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Đ, huyện Mê L, thành phố Hà Nội, ngày 01/6/2020. Sau khi tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương anh K và Chị T về chung sống cùng gia đình anh K ở Khu 1, thôn Văn L, xã Tam Đ, huyện Mê L, thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, từ ngày 19/ 5/2021 đến nay, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn. Do tính cách, bất đồng, xảy ra việc cãi, chửi nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn, Chị T tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ ngày 19/5/2021 đến nay, anh Kvà gia đình không đuổi; từ đó anh K và gia đình chưa gọi Chị T về lần nào; nếu Chị Tcó về chung sống cùng anh, nhưng với tính cách hỗn láo như hiện nay thì anh K và gia đình cũng không nhất trí; vợ chồng sống ly thân hai bên không có quan hệ hay trách nhiệm gì với nhau. Chị Tyêu cầu được ly hôn, anh K nhất trí ly hôn và hoàn toàn tự nguyện.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 11/12/2020. Hiện tại cháu Đ đang do anh K nuôi dưỡng chăm sóc. Ly hôn anh K yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Đ, đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Chị Tcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh K không đồng

ý giao cháu Đ cho Chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, vì Chị T về nhà bố mẹ đẻ ở, bỏ lại con cho anh K và gia đình anh nuôi từ khi cháu mới khoảng 06 tháng tuổi đến nay; anh Kvà gia đình nuôi dưỡng cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường; Chị T không có thu nhập và không thể tự chăm sóc nuôi con được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh K nuôi con không yêu cầu Chị T phải đóng góp. Nếu Chị T nuôi con, anh K đóng góp nuôi con chung theo yêu cầu của Chị T 1.000.000đ/tháng, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Hiện tại anh Klàm công nhân tại khu công nghiệp Quang Minh, thu nhập bình quân khoảng 12.000.000đồng/tháng.

Về tài sản: Về tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở chung, đất nông nghiệp: Anh Kxác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí sơ thẩm: Giải quyết theo pháp luật.

Bản án sơ thẩm số 46/2021/ST- HNGĐ, ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mê L, thành phố Hà Nội đã căn cứ vào các Khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, Điều 39, Điều 203, 220, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hữu K.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 11/12/2020. Giao cho Chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hữu Đ, đến khi cháu Nguyễn Hữu Đ thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh Kcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Hữu K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, kể từ tháng 03/2022 đến khi cháu Nguyễn Hữu Đ thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Về tài sản: Tài sản chung, công sức, nợ, nhà ở, đất ở, đất nông nghiệp: Chị T và anh K đều xác định không có và không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm số 46/2021/ST- HNGĐ, ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mê L, thành phố Hà Nội. Ngày 03/3/2022 anh K có đơn kháng cáo về phần giao con chung cho Chị Ttrực tiếp nuôi con chung, anh Kkhông đồng ý và xin được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu Chị T phải đóng góp tiền nuôi con chung . Còn các phần quyết định khác của bản án anh đồng ý như bản án sơ thẩm, không có yêu cầu gì khác, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử phần giao con chung cho Chị T trực tiếp nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh K giữ nguyên nội dung kháng cáo: Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm xử về việc giao cho Chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 11/12/2020. đến khi cháu Nguyễn Hữu Đ thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh Kcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Hữu K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T mỗi tháng 1.000.000đồng (*một triệu*), kể từ tháng 03/2022 đến khi cháu Nguyễn Hữu Đ thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Đề nghị tòa án phúc thẩm xem xét cho anh Kđược tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu Chị T phải đóng góp tiền nuôi con chung. Còn các phần quyết định khác của bản án anh đồng ý như bản án sơ thẩm, không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đúng theo quy định của pháp luật. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành các quyền và nghĩa vụ, tham gia phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý đến xét xử vụ án. Việc kháng cáo của bị đơn anh Kđảm bảo đúng thời hạn quy định. Căn cứ Điều 27 Luật Viện kiểm sát nhân dân; Điều 37, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của anh Nguyễn Hữu K, giữ nguyên bản án sơ thẩm, anh K phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của anh Nguyễn Hữu K trong thời hạn kháng cáo và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm là hợp lệ.

[2]. Xét về yêu cầu kháng cáo của anh K không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm xử: Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 11/12/2020. Giao cho Chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hữu Đ, đến khi cháu Nguyễn Hữu Đ thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Hữu K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị T mỗi tháng 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)*, kể từ tháng 03/2022 đến khi cháu Nguyễn Hữu Đ thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ, lời khai của các bên đương sự và tài liệu Toà án thu thập chứng cứ tại địa phương cũng như tài liệu do các bên đương sự cung cấp thể hiện: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu K kết hôn hợp pháp vợ chồng đã sinh được 01 con chung là Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 11/12/2020 hiện nay do anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Xét cháu Nguyễn Hữu Đ sinh ngày 11/12/2000 tính đến thời điểm hiện nay dưới 36 tháng tuổi, cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ, Chị T có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Căn cứ khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu Đ cho Chị Ttrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đúng pháp luật. Do vậy xét yêu cầu kháng cáo của anh K, theo quy định của pháp luật HĐXX không có căn cứ chấp nhận, cần giữ nguyên phần quyết định về việc giao con chung cho Chị Tnuôi dưỡng như Bản án số 46/2022/ST - HNGĐ, ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mê L, thành phố Hà Nội.

Các quyết định khác của Bản sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên hội dồng xét xử không xét

[3] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Kkhông được chấp nhận nhận, nên phải chịu án phí phúc thẩm

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 148; Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 56, 58, Khoản 3 Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Nguyễn Hữu K.

Giữ nguyên Bản án số 46/2022/ST - HNGĐ, ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mê L, thành phố Hà Nội cụ thể:

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Hữu Đ, sinh ngày 11/12/2020. Giao cho Chị Tđược trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hữu Đ, đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác. Anh Kcó quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Hữu K có nghĩa vụ đóng góp tiền nuôi con chung số tiền là 1.000.000 đồng *(một triệu đồng)/tháng*, kể từ tháng 03/2022 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về án phí: Anh Nguyễn Hữu K phải chịu án phí Hôn nhân và gia phúc thẩm. Được trừ đủ vào số tiền 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng,)* đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm. Theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/ 0020370 ngày 03/3/2022 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Các quyết định khác của Bản án số 46/2022/ST - HNGĐ, ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Mê L, thành phố Hà Nội có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa sơ thẩm.
- VKSND.TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Mê L.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Đăng Huấn